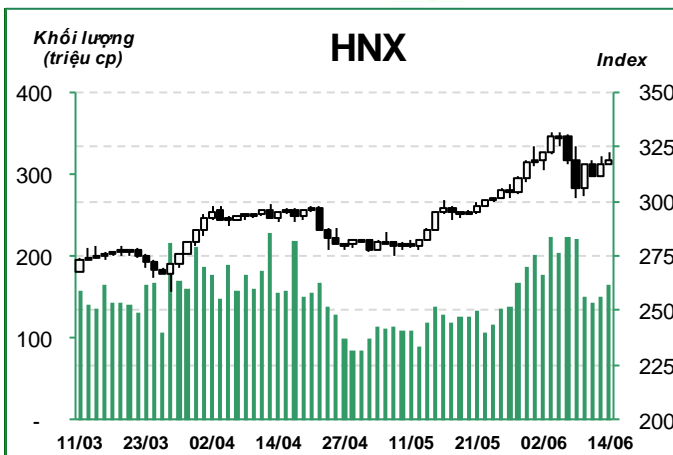
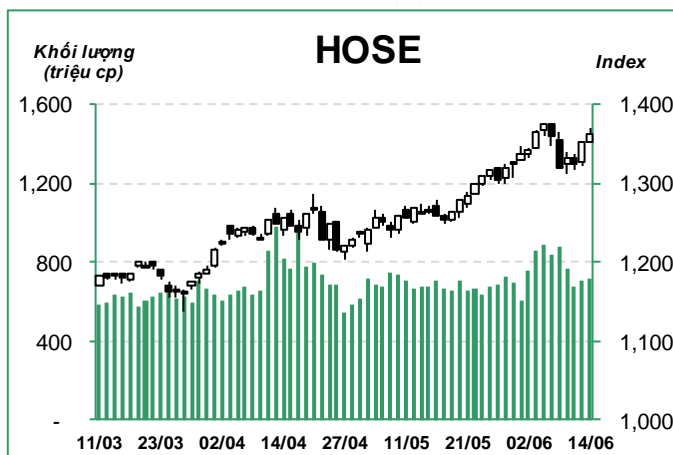


## Tổng quan thị trường

14/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,361.72</b>	<b>0.74%</b>	<b>1,495.51</b>	<b>0.53%</b>	<b>319.01</b>	<b>0.73%</b>
Cuối tuần trước	1,351.74	0.74%	1,487.61	0.53%	316.69	0.73%
Trung bình 20 ngày	1,330.87	2.32%	1,460.10	2.43%	313.33	1.81%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>775.72</b>	<b>6.08%</b>	<b>262.61</b>	<b>-2.69%</b>	<b>166.24</b>	<b>-0.12%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>715.61</b>	<b>1.50%</b>	<b>249.57</b>	<b>-5.81%</b>	<b>165.18</b>	<b>10.15%</b>
Trung bình 20 ngày	731.07	-2.11%	276.30	-9.67%	167.27	-1.25%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>25,335.26</b>	<b>6.60%</b>	<b>14,037.05</b>	<b>1.45%</b>	<b>4,047.40</b>	<b>8.78%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>23,228.42</b>	<b>2.86%</b>	<b>13,373.00</b>	<b>-0.64%</b>	<b>3,999.79</b>	<b>13.66%</b>
Trung bình 20 ngày	23,710.30	-2.03%	13,905.71	-3.83%	3,928.74	1.81%
		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>
<b>Số mã tăng</b>	202	46%	21	70%	117	32%
<b>Số mã giảm</b>	184	42%	8	27%	97	26%
<b>Số mã đứng giá</b>	56	13%	1	3%	155	42%



Tiếp nối phiên giao dịch hưng phấn trong phiên cuối tuần trước, các chỉ số chính tiếp tục được kéo xanh ngay từ đầu phiên nhờ sự dẫn dắt của các cổ phiếu vốn hóa lớn. Tuy nhiên, diễn biến âm ảm trong phiên chiều của nhiều cổ phiếu trong nhóm cổ phiếu ngân hàng khiến đà tăng của chỉ số dần bị thu hẹp. Trong khi đó, thanh khoản thị trường dù được cải thiện nhưng vẫn đang duy trì ở mức trung bình còn khối ngoại cũng có động thái bán ròng trở lại.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index đóng cửa tăng lên mức 1,361.72 điểm (+0.74%). Thanh khoản tăng nhẹ với KLGD khớp lệnh đạt 715.6 triệu cổ phiếu (+1.5%), tương đương 23,228 tỷ đồng giá trị (+2.9%). Mặc dù chỉ số duy trì sắc xanh trong cả phiên giao dịch, đà tăng ở các nhóm ngành không đồng đều khiến độ rộng thị trường cân bằng với 202 mã tăng/184 mã giảm.

Đà tăng của chỉ số được củng cố bởi sắc xanh của nhiều cổ phiếu Bluechips, dẫn đầu là nhóm BĐS với Vinhomes-VHM (+3.7%), Vingroup-VIC (+1.7%), BĐS Phát Đạt-PDR (+4.6%). Nhóm chứng khoán cũng không kém cạnh với lực cầu giá cao ở khá nhiều các cổ phiếu tiêu biểu như Chứng khoán SSI-SSI (+5.8%), Chứng khoán TPHCM-HCM (+7.0%) hay Chứng khoán FPT-FTS (+7.0%). Ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu ngân hàng có diễn biến tiêu cực nhất khi hàng loạt cổ phiếu trong nhóm như Vietcombank-VCB (-0.8%), VPBank-VPB (-1.1%), Vietinbank-CTG (-0.8%), BIDV-BID (-0.7%) đều đánh mất đà tăng trong phiên hôm nay.

Khối ngoại có phiên bán ròng trở lại trên sàn HoSE hôm nay, đạt giá trị 78.6 tỷ đồng. Trong đó, giá trị bán ròng chủ yếu tập trung ở chứng chỉ quỹ Quỹ-FUEVFNVD (-212.5 tỷ) cùng một số cổ phiếu như Tập đoàn KIDO-KDC (-150.4 tỷ), MBBank-MBB (-102.8 tỷ). Trái lại, khối ngoại mua ròng nhiều nhất các

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
FUEVFNVD	9,860.0	241.83
STB	6,625.9	198.46
FPT	2,103.4	186.24
VDS	8,159.4	169.72
APH	1,615.1	97.71
EIB	3,079.0	91.54
AGG	1,833.0	87.58
VPB	1,153.3	79.43
ACB	1,788.6	66.27
E1VFN30	2,100.0	52.73
<b>HNX</b>		
VCS	183.5	19.08
IDC	420.0	16.07
PVS	355.1	9.24
SHB	85.1	2.77
SCI	10.1	0.36
SPI	5.0	0.09

cổ phiếu An Phát Holdings-APH (+124.7 tỷ), Đất Xanh-DXG (+65.5 tỷ) và Petrolimex-PLX (+55.9 tỷ).

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index đóng cửa tăng điểm lên mức 319.01 điểm (+0.73%). Thang khoán tăng trở lại với KLGĐ khớp lệnh đạt 165.2 triệu cổ phiếu (+10.1%), tương đương 3,999.8 tỷ đồng giá trị (+13.7%).

Tâm điểm giao dịch trên sàn HNX hôm nay là nhóm cổ phiếu chứng khoán với nhiều cổ phiếu tăng tốt như Chứng khoán VNDIRECT-VND (+9.3%), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội - SHS (+6.5%), Chứng khoán MB-MBS (+6.8%). Bên cạnh đó, một số cổ phiếu trụ khác như Bảo hiểm PVI-PVI (+7.2%), Dầu khí PTSC-PVS (+3.9%) hay Ngân hàng Bắc Á-BAB (+2.6%) cũng tiếp đà đi lên. Ở chiều ngược lại, Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-2.0%), Idico-IDC (-4.8%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (-2.6%) là những cổ phiếu giảm mạnh gây áp lực chính cho chỉ số.

Khối ngoại cũng đảo chiều bán ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 95.0 tỷ đồng. Với những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Chứng khoán VNDIRECT-VND (-89.2 tỷ), Dung dịch Khoan Dầu khí-PVC (-10.6 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-2.7 tỷ). Ở chiều mua ròng, Bảo hiểm PVI-PVI (+4.8 tỷ), Vicostone-VCS (+1.9 tỷ), MBG Group-MBG (+1.5 tỷ) là những mã được mua ròng nhiều nhất.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index tiếp tục có phiên tăng điểm. Khối lượng giao dịch duy trì tương đương phiên trước và vẫn dưới mức bình quân 10 và 20 phiên cho thấy dòng tiền tham gia trở lại vẫn khá yếu. Tuy vậy, chỉ số vẫn đang giữ được xu hướng tăng khi đang duy trì đóng cửa trên các đường MA5 và MA20, cùng với ADX nằm trên vùng 26 và đường +DI nở rộng khoảng cách lên phía trên so với -DI cho tín hiệu củng cố xu hướng tăng điểm hiện tại. Chỉ số có thể tiếp tục tăng lên thử thách lại vùng đỉnh cũ quanh 1,375 điểm hoặc xa hơn là vùng kháng cự tâm lý 1,400 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số cũng tiếp tục có phiên tăng điểm và duy trì đóng cửa trên MA5. Tuy vậy đà phục hồi có phần yếu đi khi xuất hiện một nền tăng thân nhỏ có bóng trên đi kèm khối lượng gia tăng, cho dấu hiệu áp lực bán xuất hiện. Chỉ số có thể có nhịp rung lắc trở lại kiểm định vùng hỗ trợ quanh MA5 và MA20 (310-315 điểm) trước khi quay lại thử thách vùng đỉnh cũ quanh 330 điểm. Nhìn chung, thị trường vẫn giữ được xu hướng tăng và có cơ hội hướng về lại vùng đỉnh cũ. Do đó, nhà đầu tư có thể cân nhắc tận dụng các nhịp rung lắc để tái cơ cấu danh mục hướng tới các cổ phiếu có cơ bản tốt và thu hút được dòng tiền mạnh.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HCM	42.2	12,185.1	7.0%
VOS	4.6	2,568.3	7.0%
FTS	32.3	1,208.9	7.0%
TMS	47.2	64.9	6.9%
DCL	50.3	750.9	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VMD	29.3	26.8	-7.0%
DBT	15.8	171.5	-6.8%
TCO	13.3	115.1	-6.7%
SMA	9.3	0.6	-6.4%
TPC	8.6	0.6	-6.0%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	70.9	2,558.6	-1.1%
HPG	53.6	1,565.1	0.9%
STB	30.8	1,029.5	1.0%
MBB	39.3	984.3	-0.3%
SSI	53.0	961.4	5.8%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VPB	70.9	36,309.4	-1.1%
STB	30.8	33,515.1	1.0%
HNG	10.8	29,663.3	3.9%
FLC	13.1	29,503.7	-0.8%
HPG	53.6	29,137.5	0.9%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
L18	18.7	82.5	10.0%
GDW	21.0	0.1	9.9%
HBE	7.8	2.6	9.9%
QHD	42.4	6.3	9.8%
SDG	32.4	0.1	9.8%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VIE	8.1	3.9	-10.0%
DNC	52.5	0.2	-9.9%
SDU	10.1	5.0	-9.8%
L61	8.3	4.3	-9.8%
HEV	13.5	0.1	-7.5%

#### Top 5 giá trị

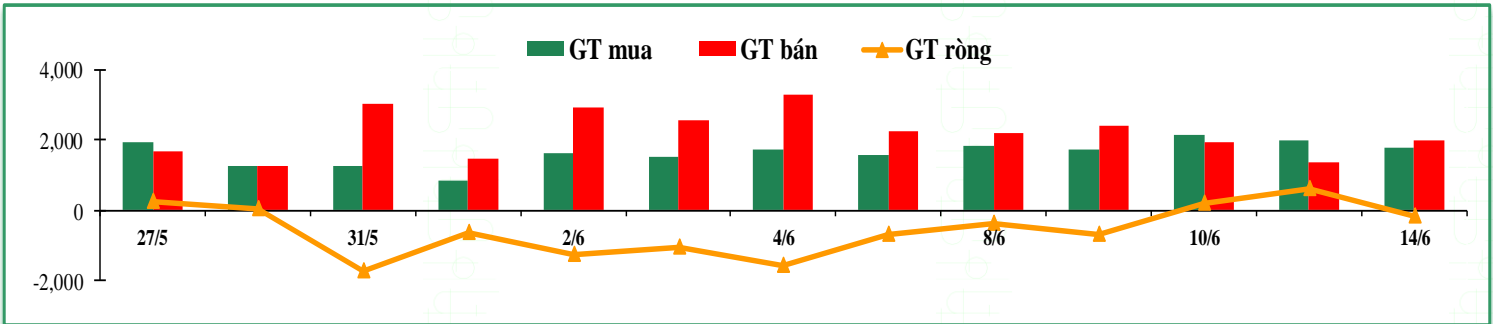
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	29.2	581.3	-2.0%
SHS	40.9	564.7	6.5%
PVS	29.3	493.7	3.9%
VND	43.5	416.3	9.3%
IDC	35.9	376.6	-4.8%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	29.2	19,746.2	-2.0%
PVS	29.3	16,930.9	3.9%
SHS	40.9	14,086.1	6.5%
IDC	35.9	10,016.0	-4.8%
VND	43.5	9,754.5	9.3%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,752.9	6.9%	1,831.5	7.2%	-78.6
HNX	44.2	1.1%	139.3	3.4%	-95.0
<b>Tổng số</b>	<b>1,797.1</b>		<b>1,970.8</b>		<b>-173.6</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
FPT	83.8	164.5	0.4%
APH	62.7	129.2	0.0%
PLX	55.0	113.8	1.9%
VNM	92.5	99.6	0.5%
DXG	25.2	89.5	-0.2%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
FUEVFNVD	24.9	251.2	-0.3%
FPT	83.8	164.5	0.4%
KDC	58.9	152.8	1.2%
MBB	39.3	110.2	-0.3%
HPG	53.6	107.0	0.9%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
APH	62.7	124.7	0.0%
DXG	25.2	65.5	-0.2%
PLX	55.0	55.9	1.9%
PDR	91.4	50.0	4.6%
HSG	44.9	41.0	1.9%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	43.5	24.3	9.3%
PVI	44.8	5.2	7.2%
VCS	105.4	2.0	0.1%
PVS	29.3	1.8	3.9%
PAN	26.9	1.5	0.0%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	43.5	113.5	9.3%
PVC	12.3	10.6	2.5%
BVS	29.3	3.3	3.9%
PAN	26.9	2.8	0.0%
MBS	29.9	1.7	6.8%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVI	44.8	4.8	7.2%
VCS	105.4	1.9	0.1%
MBG	7.5	1.5	1.4%
PVS	29.3	1.5	3.9%
SHB	29.2	1.3	-2.0%

## Tin trong nước

### **Thị trường mở có giao dịch đầu tiên sau gần 4 tháng không hoạt động**

Bộ phận phân tích Công ty chứng khoán SSI (SSI Research) vừa có báo cáo về thị trường tiền tệ tuần qua (7-11/6/2021).

Cụ thể, tuần qua, thị trường mở có giao dịch đầu tiên sau gần 4 tháng không hoạt động nhưng lượng rất nhỏ, Ngân hàng Nhà nước bơm ròng 1,08 tỷ đồng thông qua mua kỳ hạn 7 ngày. Nguồn cung VND từ các ngân hàng thương mại lớn dồi dào hơn khiến lãi suất liên ngân hàng giảm từ 30-32 bps, chốt tuần ở mức 1,123%/năm với kỳ hạn qua đêm và 1,255%/năm với kỳ hạn 1 tuần.

Trong khi đó, lãi suất tiền gửi tiếp tục ổn định ở mức 2,9-4%/năm với kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng; 3,5-5,3%/năm với kỳ hạn 6 - dưới 12 tháng; và 4,6-6,5%/năm với kỳ hạn 12-13 tháng nhưng mức độ chênh lệch lãi suất giữa các nhóm ngân hàng đang có xu hướng tăng khi một số ngân hàng thương mại cổ phần tăng nhẹ (10-30 bps) với các khoản tiền gửi khách hàng cá nhân.

### **Giá trị trái phiếu chính phủ phát hành cao nhất trong 8 tháng**

Theo thống kê giá trị trái phiếu chính phủ phát hành trong tháng 5 tăng mạnh 68% so với tháng trước, đạt 44,2 nghìn tỷ đồng, mức cao nhất trong 8 tháng qua. Diễn biến này chủ yếu do hai yếu tố gồm Kho bạc Nhà nước tăng khối lượng chào thầu lên 48 nghìn tỷ đồng và nhu cầu tái đầu tư cao, ước tính khoảng 33,4 nghìn tỷ đồng trái phiếu chính phủ.

Như vậy, lũy kế trong 5 tháng đầu năm 2021, Kho bạc Nhà nước đã phát hành thành công 109,7 nghìn tỷ đồng trái phiếu chính phủ, hoàn thành 31,3% mục tiêu năm 2021.

Trái lại, ước tính có khoảng 102,6 nghìn tỷ đồng trái phiếu chính phủ đã đáo hạn trong 5 tháng đầu năm 2021, dẫn đến giá trị phát hành ròng đạt 7,1 nghìn tỷ đồng (giá trị phát hành ròng đạt 800 tỷ đồng trong cùng kỳ 2020).

Trên thị trường thứ cấp, tổng giá trị giao dịch tăng 7,8% so với tháng trước, đạt 211,0 nghìn tỷ đồng trong tháng 5. Thậm chí, khi lũy kế 5 tháng đầu năm 2021, hoạt động giao dịch trên thị trường thứ cấp đã tăng 12,5% so với cùng kỳ năm ngoái.

Đáng chú ý, sau 8 tháng liên tiếp mua ròng, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng 775 tỷ đồng trong tháng 5. Tuy nhiên, trong 5 tháng 2021, khối ngoại đã mua ròng 5,9 nghìn tỷ đồng trái phiếu chính phủ so với mức bán ròng 460 tỷ đồng trong cùng kỳ 2020.

Trong quý 2/2021, Kho bạc Nhà nước đưa ra kế hoạch sẽ đấu thầu trái phiếu Chính phủ qua HNX với tổng mức phát hành là 100 nghìn tỷ đồng (bao gồm cả khối lượng phát hành cho Bảo hiểm Xã hội Việt Nam). Khối lượng còn lại trong quý của tháng 6/2021 là gần 30 nghìn tỷ đồng.

Nguồn: Cafef

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Nhà Khang Điền muốn phát hành tối đa 400 tỷ đồng trái phiếu**

CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (HoSE: KDH) công bố phát hành riêng lẻ tối đa 400 tỷ đồng trái phiếu không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo. Trái phiếu có kỳ hạn 4 năm, lãi suất cố định 12%/năm. Thời gian phát hành chậm nhất quý III năm nay.

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu sẽ được dùng để bổ sung vốn lưu động nhằm tăng quy mô vốn hoạt động của doanh nghiệp.

Năm nay, Nhà Khang Điền đặt mục tiêu doanh thu 4.800 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 1.200 tỷ đồng, tăng lần lượt 6% và 4% năm trước. Cổ tức dự kiến 10%. Một số dự án tại TP HCM dự kiến đem lại lợi nhuận năm nay như Safira, Verosa, Lovera Vista và dự án mới 4,3 ha phường Phú Hữu, TP Thủ Đức.

### **Thép Nam Kim đăng ký bán 10 triệu cổ phiếu quỹ từ 22/6**

Thép Nam Kim (HoSE: NKG) thông báo đăng ký bán toàn bộ 10 triệu cổ phiếu quỹ từ ngày 22/6 đến 21/7. Phương thức giao dịch là khớp lệnh hoặc thỏa thuận tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE).

Trên thị trường, cổ phiếu NKG giao dịch ở mức giá 31.900 đồng/cp. Tạm tính theo mức giá này, Nam Kim có thể thu về 319 tỷ đồng để cơ cấu lại nguồn vốn, bổ sung vốn lưu động đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm nay, doanh nghiệp lên kế hoạch doanh thu tăng 38% đạt 16.000 tỷ đồng, lãi sau thuế gấp đôi lên 600 tỷ đồng. Cổ tức tối đa 10% bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu.

Riêng quý I, cùng với bối cảnh thị trường thép thuận lợi, sản lượng và giá bán cùng tăng, doanh nghiệp báo cáo doanh thu gấp đôi lên 4.853 tỷ đồng, lãi sau thuế gấp 7,7 lần lên 319 tỷ đồng. Như vậy, doanh nghiệp đã thực hiện được 53% kế hoạch lợi nhuận năm.

Năm 2020, doanh nghiệp ghi nhận kết quả kinh doanh ấn tượng với lãi sau thuế 295 tỷ đồng, gấp 6,2 lần năm 2019. Với kết quả này, Nam Kim sẽ chia cổ tức tỷ lệ 10%, đã tạm ứng 3% tiền mặt, 7% còn lại trả bằng cổ phiếu. Đồng thời, doanh nghiệp sẽ thưởng cổ phiếu tỷ lệ 13% từ thặng dư vốn cổ phần.

Nguồn: NDH

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	SSI	Chốt lời	13/05/21	53	34.8	52.3%	52.2	50.0%	33.5	-3.7%	Chạm giá mục tiêu
2	KBC	Mua	15/06/21	35.4	35.4	0.0%	42	18.6%	33.3	-5.9%	Tín hiệu bật tăng tốt trở lại từ MA20

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	CSV	Quan sát mua	15/06/21	28.55	30-31 32-33	Nến bật tăng tốt kèm vol cao trở lại cho tín hiệu test đáy thành công -> khả năng bước vào nhịp tăng mới
2	SJS	Quan sát mua	15/06/21	53.9	60-61	Tín hiệu tích lũy tích cực với vol thấp sau khi thoát trendline nhịp điều chỉnh -> khả năng sớm tăng trở lại
3	LCG	Quan sát mua	15/06/21	13.75	16-16.5	Tín hiệu kết thúc xu hướng giảm trung hạn khi bật tăng trở lại từ MA200 và break trendline giảm + hai nến gần đây xuất hiện áp lực bán -> khả năng có thể điều chỉnh về vùng 13.2-13.3 trước khi tăng trở lại

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Nắm giữ	28/04/21	59.5	49.9	19.2%	60	20.2%	47	-6%	Nâng giá mục tiêu lên 60 ngàn
2	PVS	Nắm giữ	19/05/21	29.3	21.8	34.4%	31.3	43.6%	20.5	-6%	
3	BVH	Mua	04/06/21	60	54.9	9.3%	63	15%	53	-3%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

4	PAN	Mua	07/06/21	26.9	27	-0.4%	31	15%	25.4	-6%
5	VRE	Mua	10/06/21	31.95	31.7	0.8%	36	14%	30	-5%
6	PLC	Mua	14/06/21	26.4	26.4	0.0%	30.6	16%	24.7	-6%

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 14/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	9,240	-0.3%	258%	37,160	8	83,800	7,866	(1,374)	SSI	FPT	50,000	4.3	22/06/2021
CFPT2101	1,500	4,300	-3.4%	187%	12,650	21	83,800	1,806	(2,494)	MBS	FPT	74,500	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,580	-0.8%	258%	1,430	100	34,100	898	(2,682)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	45,000	0.0%	689%	9,810	16	53,600	39,464	(5,536)	VND	HPG	26,000	0.7	30/06/2021
CHPG2101	1,050	8,800	0.0%	738%	8,890	100	53,600	2,456	(6,344)	KIS	HPG	46,888	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	31,000	-0.3%	370%	1,820	21	53,600	18,072	(12,928)	ACBS	HPG	41,000	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	14,950	-0.3%	283%	20,470	22	53,600	7,770	(7,180)	VND	HPG	42,000	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	9,250	0.5%	517%	12,200	21	53,600	4,025	(5,225)	MBS	HPG	44,800	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	16,900	-0.6%	463%	18,620	56	53,600	7,825	(9,075)	HCM	HPG	42,000	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	14,020	0.1%	242%	22,480	74	53,600	2,603	(11,417)	MBS	HPG	50,200	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	5,950	-1.5%	358%	7,510	59	53,600	12	(5,938)	KIS	HPG	59,368	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	5,980	0.5%	398%	19,990	59	53,600	11	(5,969)	KIS	HPG	59,456	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,910	-2.3%	144%	5,820	63	36,900	2,686	(1,224)	KIS	KDH	27,333	3.6	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,950	2.1%	195%	4,080	100	36,900	867	(2,083)	KIS	KDH	33,333	4.5	22/09/2021
CKDH2102	2,800	6,000	2.6%	114%	8,500	60	36,900	3,283	(2,717)	MBS	KDH	31,100	1.8	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CMBB2101	1,600	7,150	-1.7%	347%	21,870	22	39,300	6,667	(483)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,410	-2.6%	184%	6,800	59	39,300	495	(2,915)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,890	-2.4%	175%	3,420	100	106,900	445	(2,445)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,580	-4.1%	158%	4,980	100	106,900	139	(2,441)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	5,700	-7.9%	90%	7,110	60	106,900	3,202	(2,498)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	24,000	0.4%	100%	2,020	16	138,100	21,095	(2,905)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2101	2,400	2,720	3.8%	13%	4,420	22	138,100	2,125	(595)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,170	0.0%	106%	3,380	49	138,100	3,689	(2,481)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	1,700	-5.6%	-11%	6,040	21	138,100	976	(724)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	8,700	2.2%	263%	360	(84)	138,100	(269)	(8,969)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,550	0.7%	54%	5,880	74	138,100	1,008	(3,542)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2101	1,000	4,950	-5.4%	395%	15,630	100	103,900	2,253	(2,697)	KIS	NVL	77,999	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,130	-4.0%	185%	33,910	105	103,900	1	(3,129)	KIS	NVL	128,399	11.8	27/09/2021
CPDR2101	1,100	4,660	6.6%	324%	53,010	74	91,400	879	(3,781)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	5,200	5.9%	373%	14,010	105	91,400	1,099	(4,101)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,300	-6.5%	35%	12,880	22	97,000	1,929	(371)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	4,840	-5.1%	142%	10,810	49	97,000	3,446	(1,394)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	3,840	-6.3%	32%	3,490	4	97,000	3,644	(196)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	2,300	2,200	-0.5%	-4%	19,220	22	55,500	1,891	(309)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,590	0.4%	135%	5,100	100	21,300	25	(2,565)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2101	1,000	6,720	-2.6%	572%	5,360	100	30,800	4,466	(2,254)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	7,920	-1.0%	466%	23,660	56	30,800	6,430	(1,490)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	11,200	0.0%	180%	11,470	74	30,800	8,000	(3,200)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	30,700	-0.3%	469%	9,460	46	52,700	30,759	59	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	24,200	-1.2%	384%	6,870	113	52,700	21,905	(2,295)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	8,400	-3.0%	265%	18,670	22	52,700	8,373	(27)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,850	-1.5%	240%	16,090	56	52,700	8,658	(1,192)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,300	-2.7%	265%	6,480	74	52,700	3,563	(3,737)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,250	3.2%	41%	9,570	63	22,200	36	(2,214)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,840	1.4%	184%	3,320	100	22,200	78	(2,762)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	2,940	-2.0%	7%	7,220	60	22,200	17	(2,923)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,780	1.1%	48%	22,190	59	22,200	0	(1,780)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2101	1,100	3,520	-0.3%	220%	3,740	100	109,900	367	(3,153)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,810	2.6%	48%	42,920	22	109,900	2,301	(509)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2104	1,600	3,290	3.1%	106%	29,680	56	109,900	1,224	(2,066)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	3,680	0.6%	145%	4,000	60	109,900	725	(2,955)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVHM2106	1,300	3,500	8.4%	169%	16,750	59	109,900	21	(3,479)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,000	3,040	-7.9%	204%	3,880	100	120,000	89	(2,951)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	2,590	-0.4%	135%	5,430	105	120,000	0	(2,590)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021
CVNM2101	1,100	2,300	-4.2%	109%	3,650	100	92,500	0	(2,300)	KIS	VNM	126,888	19.6	22/09/2021
CVNM2102	1,700	660	-2.9%	-61%	31,620	22	92,500	(0)	(660)	VND	VNM	108,994	9.8	06/07/2021
CVNM2103	1,700	120	-25.0%	-93%	26,170	4	92,500	0	(120)	MBS	VNM	104,000	9.9	18/06/2021
CVNM2104	1,480	3,190	5.3%	116%	2,430	91	92,500	19	(3,171)	MBS	VNM	103,000	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,920	-1.0%	75%	14,660	105	92,500	0	(1,920)	KIS	VNM	119,399	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	44,270	-2.5%	691%	11,360	46	70,900	44,970	700	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	16,700	-1.8%	476%	3,580	22	70,900	16,974	274	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2103	2,700	16,990	-2.9%	529%	16,920	56	70,900	17,260	270	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,800	0.9%	252%	4,960	74	70,900	7,371	(1,429)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2013	5,000	6,460	0.8%	29%	17,730	46	31,950	4,524	(1,936)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,490	0.0%	108%	1,580	100	31,950	108	(2,382)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	1,150	-10.9%	-36%	45,270	22	31,950	497	(653)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,290	-2.6%	76%	8,490	56	31,950	181	(2,109)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	3,300	0.0%	10%	3,550	60	31,950	60	(3,240)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
KDH	(New)	HOSE	36,900	37,950	14/06/2021	1,174	1,934	15,986	14%	8%	19.6	2.4	-
GMD	(New)	HOSE	42,150	54,800	09/06/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	0%
AAA	(New)	HOSE	16,150	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
NLG	(New)	HOSE	38,900	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE	(New)	HOSE	31,950	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM		HOSE	109,900	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR		HOSE	54,700	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
GVR		HOSE	29,750	40,200	28/05/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
SZC		HOSE	39,000	44,500	28/05/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	22.0	3.3	0%
KBC		HOSE	35,400	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

REE		HOSE	55,500	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
ANV		HOSE	30,200	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC		HOSE	44,600	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC		HOSE	36,600	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC		UPCOM	40,000	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP		HOSE	76,000	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG		HOSE	96,000	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT		HOSE	27,100	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW		HOSE	124,900	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ		HOSE	97,000	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG		HOSE	138,100	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB		HOSE	165,500	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN		HOSE	106,900	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM		HOSE	92,500	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM		HOSE	84,000	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK		HOSE	38,500	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	103,900	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	43,300	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	102,000	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	34,100	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	52,700	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	16,250	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	58,100	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	63,000	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
FPT		HOSE	83,800	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	19,400	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	36,900	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	72,700	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	55,000	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	21,300	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	39,400	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	89,500	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	60,900	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

TNG		HOSE	24,900	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	60,000	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	20,300	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	18,850	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	38,650	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	93,400	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,200	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

## **Đảm bảo phân tích**

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Định nghĩa xếp loại**

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## **Miễn trách**

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### **PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.